

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /CBTT-CC

Hải Phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: CCP
- Địa chỉ: Số 2 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.3837393, Fax: 0225.3837393
- Email: camporthp1@gmail.com Website: www.cuacampport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 11/03/2025 tại đường dẫn: <https://cuacampont.com.vn/thong-tin-co-dong/bao-cai-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2024/102-355-4304.aspx>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẤM HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phụ trách HĐQT
Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Thăng	Thành viên
Ông Hoàng Minh Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Thăng	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Cường

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Số: 25 /2025/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2025, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 28 - Thông tin khác, tại đó mô tả về việc hợp đồng thuê đất của Công ty với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có thời hạn đến ngày 31/12/2025 và chưa có thông tin về việc tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty tại số 2 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Nguyễn Thu Hà

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2024-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

5264-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.514.310.164	23.107.701.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.020.186.949	429.538.195
1. Tiền	111	5	1.020.186.949	429.538.195
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	22.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	50.000.000.000	22.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		472.520.026	668.488.842
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	247.948.040	458.888.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	16.030.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	224.571.986	193.570.833
IV. Hàng tồn kho	140		-	2.842.105
1. Hàng tồn kho	141		-	2.842.105
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.603.189	6.831.913
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.603.189	1.419.573
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12.2	-	5.412.340
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.317.469.697	5.927.997.185
I. Tài sản cố định	220		1.102.745.133	5.329.783.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.102.745.133	5.329.783.227
- Nguyên giá	222		31.598.811.077	42.938.838.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.496.065.944)	(37.609.055.646)
II. Tài sản dài hạn khác	260		214.724.564	598.213.958
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	214.724.564	598.213.958
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		52.831.779.861	29.035.698.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.728.780.403	2.478.307.772
I. Nợ ngắn hạn	310		2.312.280.403	959.807.772
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	54.383.448	85.610.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.844.301	5.317.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.1	707.436.920	-
4. Phải trả người lao động	314		1.001.487.672	317.829.877
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	329.949.141	266.363.592
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14.1	174.867.749	174.939.812
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.311.172	109.746.172
II. Nợ dài hạn	330		2.416.500.000	1.518.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	14.2	2.416.500.000	1.518.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.102.999.458	26.557.390.468
I. Vốn chủ sở hữu	410		48.102.999.458	26.557.390.468
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	15	24.000.000.000	24.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	3.881.400.000	3.881.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	15	5.117.071.639	5.117.071.639
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15	15.104.527.819	(6.441.081.171)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.441.081.171)	(5.461.228.571)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.545.608.990	(979.852.600)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		52.831.779.861	29.035.698.240

Người lập biểu - Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025


Giám đốc


Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	11.097.868.404	19.289.816.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.097.868.404	19.289.816.680
4. Giá vốn hàng bán	11	18	4.318.093.988	17.867.734.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.779.774.416	1.422.082.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.504.056.562	1.535.662.899
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	20.1	-	26.015.075
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.2	5.565.302.684	4.179.540.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		3.718.528.294	(1.247.810.307)
11. Thu nhập khác	31	21	22.603.185.087	436.481.972
12. Chi phí khác	32	22	794.896.986	168.524.265
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		21.808.288.101	267.957.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.526.816.395	(979.852.600)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.981.207.405	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.545.608.990	(979.852.600)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	8.977	(408)

Người lập biểu - Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.526.816.395	(979.852.600)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10	1.342.768.108	1.905.177.192
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	19	(1.189.675)	(979.900)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.005.388.599)	(1.430.804.211)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.863.006.229	(506.459.519)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		170.223.693	11.954.391.850
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.842.105	2.424.242
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.746.700.226	(10.825.758.954)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		383.489.394	221.581.426
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	12	(3.408.000.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(69.435.000)	(24.826.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.688.826.647	821.353.045
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	10	(212.800.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.599.591.698	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(87.500.000.000)	(18.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.500.000.000	14.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.513.840.734	1.711.671.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.099.367.568)	(2.288.328.804)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		589.459.079	(1.466.975.759)
(50=20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	429.538.195	1.895.534.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19	1.189.675	979.900
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	1.020.186.949	429.538.195
(70=50+60+61)				

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2024.

Người lập biểu - Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Mạnh Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 2 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06/01/2004 của UBND Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0200576055 lần đầu ngày 09/01/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 11/4/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 24.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại 31/12/2024 là 30 người (tại 01/01/2024 là 41 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ cảng biển.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường thủy; hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy; hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến; trục vớt tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá ghi sổ kế toán. Số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex tại ngày 31/12/2024 là 25.275 VND/USD (tại ngày 31/12/2023 là 24.110 VND/USD).

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn).

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	đã khấu hao hết
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
TSCĐ khác	đã khấu hao hết

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo trì cầu cảng.

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí sửa chữa, bảo trì cầu cảng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký; phí kiểm toán và các khoản khác.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Lãi chênh lệch tỷ giá là khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, phí chuyển tiền...).

4.14 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 15, 27.

5. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	41.376.148	60.570.004
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	978.810.801	368.968.191
Cộng	1.020.186.949	429.538.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Hải Phòng	10.000.000.000	10.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	7.500.000.000	7.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	247.948.040	458.888.009
Công ty CP Phát triển phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ	215.325.000	228.506.400
Các khoản phải thu của khách hàng khác	32.623.040	230.381.609

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	224.571.986	-	193.570.833	-
Phải thu lãi tiền gửi	182.596.986	-	193.570.833	-
Phải thu khác	41.975.000	-	-	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	214.724.564	598.213.958
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.130.063	24.499.753
Chi phí sửa chữa, bảo trì cầu cảng	186.594.501	365.956.629
Chi phí cải tạo nâng cấp bãi cạn	-	207.757.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	29.841.332.915	11.131.807.905	788.032.598	1.027.665.455	150.000.000	42.938.838.873
Tăng trong năm	-	212.800.000	-	-	-	212.800.000
Mua sắm	-	212.800.000	-	-	-	212.800.000
Giảm trong năm	11.407.827.796	145.000.000	-	-	-	11.552.827.796
Thanh lý, nhượng bán	217.379.186	145.000.000	-	-	-	362.379.186
Giảm khác (*)	11.190.448.610	-	-	-	-	11.190.448.610
Tại ngày 31/12/2024	18.433.505.119	11.199.607.905	788.032.598	1.027.665.455	150.000.000	31.598.811.077
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	24.738.465.398	11.076.169.750	788.032.598	856.387.900	150.000.000	37.609.055.646
Tăng trong năm	1.156.496.738	83.504.822	-	102.766.548	-	1.342.768.108
Khấu hao trong năm	1.156.496.738	83.504.822	-	102.766.548	-	1.342.768.108
Giảm trong năm	8.310.757.810	145.000.000	-	-	-	8.455.757.810
Thanh lý, nhượng bán	217.379.186	145.000.000	-	-	-	362.379.186
Giảm khác (*)	8.093.378.624	-	-	-	-	8.093.378.624
Tại ngày 31/12/2024	17.584.204.326	11.014.674.572	788.032.598	959.154.448	150.000.000	30.496.065.944
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	5.102.867.517	55.638.155	-	171.277.555	-	5.329.783.227
Tại ngày 31/12/2024	849.300.793	184.933.333	-	68.511.007	-	1.102.745.133

(*) Giảm do Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên, Thành phố Hải Phòng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 24.859.006.602 VND và 01/01/2024 là 12.366.027.601 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	54.383.448	54.383.448	85.610.568	85.610.568
Công ty CP Hòa Anh	15.400.000	15.400.000	15.400.000	15.400.000
Công ty CP Thiết kế kiến trúc Đô thị Á Đông	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư công trình Hàng hải Việt Nam	16.183.448	16.183.448	32.383.448	32.383.448
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Môi trường O2	-	-	15.027.120	15.027.120

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	978.113.912	978.113.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.000)	3.981.207.405	3.408.000.000	573.177.405
Thuế thu nhập cá nhân	(5.382.340)	48.200.092	20.648.237	22.169.515
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	494.477.300	382.387.300	112.090.000
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(5.412.340)	5.504.998.709	4.792.149.449	707.436.920
Trong đó:				
12.1 Phải nộp	-			707.436.920
12.2 Phải thu	5.412.340			-

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	329.949.141	266.363.592
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký	261.072.000	225.728.000
Tiền điện	18.586.680	-
Phí kiểm toán	20.000.000	30.000.000
Chi phí phải trả khác	30.290.461	10.635.592

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
14.1 Ngắn hạn	174.867.749	174.939.812
Kinh phí công đoàn	174.867.749	174.939.812
14.2 Dài hạn	2.416.500.000	1.518.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.416.500.000	1.516.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	2.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số đầu năm trước	24.000.000.000	3.881.400.000	5.117.071.639	(5.461.228.571)
Tăng trong năm trước	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	979.852.600
Lỗi trong năm	-	-	-	979.852.600
Số đầu năm nay	24.000.000.000	3.881.400.000	5.117.071.639	(6.441.081.171)
Tăng trong năm nay	-	-	-	21.545.608.990
Lãi trong năm	-	-	-	21.545.608.990
Giảm trong năm nay	-	-	-	-
Số cuối năm nay	24.000.000.000	3.881.400.000	5.117.071.639	15.104.527.819

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	15.340.000.000	15.340.000.000	15.340.000.000	15.340.000.000
Các cổ đông khác	8.660.000.000	8.660.000.000	8.660.000.000	8.660.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày 01/01	24.000.000.000	24.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	24.000.000.000	24.000.000.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày 01/01	(6.441.081.171)	(5.461.228.571)
Tăng trong năm	21.545.608.990	-
Lãi trong năm	21.545.608.990	-
Giảm trong năm	-	979.852.600
Lỗi trong năm	-	979.852.600
Tại ngày 31/12	15.104.527.819	(6.441.081.171)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.400.000	2.400.000
Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	1.021,18	1.021,18

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu kinh doanh đầu	-	13.130.657.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.097.868.404	6.159.159.366
Cộng	11.097.868.404	19.289.816.680

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn kinh doanh đầu	-	13.078.902.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.318.093.988	4.788.832.016
Cộng	4.318.093.988	17.867.734.675

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	2.502.866.887	1.534.682.999
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.189.675	979.900
Cộng	2.504.056.562	1.535.662.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
20.1 Chi phí bán hàng	-	26.015.075
Phí dịch vụ đại lý	-	26.015.075
20.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.565.302.684	4.179.540.136
Chi phí nhân viên	3.396.896.083	2.408.608.158
Tiền thuê đất	472.372.300	382.387.300
Chi phí khác	1.696.034.301	1.388.544.678

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	37.962.963	-
Tiền được bồi thường do Nhà nước thu hồi đất	22.666.474.889	-
Giá trị còn lại của TSCĐ trên đất bị thu hồi và các khoản chi phí khác liên quan	(3.201.916.140)	-
Tiền hỗ trợ chi phí di dời tài sản do Nhà nước thu hồi đất	2.686.614.000	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	12.575.925	36.481.482
Xử lý công nợ, tiền hỗ trợ của Vingroup	401.473.450	400.000.490
Cộng	22.603.185.087	436.481.972

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phân bổ chi phí xây dựng cơ bản	207.757.576	103.878.788
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	2.842.105	29.118.519
Xử lý công nợ	78.305	-
Chi phí khác	584.219.000	35.526.958
Cộng	794.896.986	168.524.265

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.424.242
Chi phí nhân công	5.744.081.686	4.602.410.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.342.768.108	1.905.177.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.341.318.637	878.740.000
Chi phí khác	1.455.228.241	1.605.635.547
Cộng	9.883.396.672	8.994.387.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	25.526.816.395	(979.852.600)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	820.301.803	164.220.624
Chi phí không được trừ	820.301.803	164.220.624
Lỗ năm trước chuyển sang (3)	(6.441.081.171)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)+(3)	19.906.037.027	(815.631.976)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	3.981.207.405	-

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	21.545.608.990	(979.852.600)
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	21.545.608.990	(979.852.600)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (4)	2.400.000	2.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	8.977	(408)

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2024 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Năm 2024	Chức vụ	Lương và các khoản khác VND	Thù lao VND	Cộng VND
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc, Phụ trách HĐQT	316.015.385	55.440.000	371.455.385
Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	226.992.307	40.320.000	267.312.307
Ông Hoàng Minh Quý	Thành viên HĐQT	221.300.000	40.320.000	261.620.000
Ông Nguyễn Cảnh Thăng	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	248.492.308	40.320.000	288.812.308
Bà Nguyễn Thùy Chi	Trưởng ban Kiểm soát	215.200.000	-	215.200.000
Bà Hoàng Thị Hoài	Thành viên BKS	212.738.000	28.224.000	240.962.000
Ông Đỗ Trọng Tiến	Thành viên BKS	194.757.693	28.224.000	222.981.693
Cộng		1.635.495.693	232.848.000	1.868.343.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Năm 2023	Chức vụ	Lương và các khoản khác VND	Thù lao VND	Cộng VND
Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	14.080.000	14.080.000
Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	143.400.000	33.280.000	176.680.000
Ông Hoàng Minh Quý	Thành viên HĐQT	140.400.000	33.280.000	173.680.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc, Thành viên HĐQT	222.000.000	41.920.000	263.920.000
Ông Nguyễn Cảnh Thăng	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	162.000.000	33.280.000	195.280.000
Bà Nguyễn Thùy Chi	Trưởng ban Kiểm soát	74.730.769	-	74.730.769
Bà Hoàng Thị Hoài	Thành viên BKS	132.000.000	23.296.000	155.296.000
Ông Đỗ Trọng Tiến	Thành viên BKS	112.550.000	23.296.000	135.846.000
Cộng		987.080.769	202.432.000	1.189.512.769

28. THÔNG TIN KHÁC

Hợp đồng thuê đất giữa Công ty với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có thời hạn đến ngày 31/12/2025 và chưa có thông tin về việc tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty tại số 2 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Người lập biểu - Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

[Signature]
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẤM HẢI PHÒNG
QUẬN NGÔ QUYỀN, TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Mạnh Cường